

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
**CỤC TRỒNG TRỌT
VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTTV- HTQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

V/v triển khai thực hiện Nghị định số
38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 của
Chính phủ về MSVT, CSĐG

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố

Thực hiện Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/01/2026 của Chính phủ quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói (sau đây gọi là Nghị định). Để thống nhất tổ chức triển khai thực hiện trên phạm vi cả nước, Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (TTTV) thông tin một số nội dung như sau:

I. Thời gian chuyển đổi mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói

1. Kể từ ngày Nghị định số 38/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, việc cấp mới, cấp lại/điều chỉnh mã số vùng trồng (MSVT) và mã số cơ sở đóng gói (CSĐG) phục vụ xuất khẩu được thực hiện thống nhất theo định dạng mã số quy định tại Nghị định (định dạng mới).

2. Đối với các mã số đã được cấp trước thời điểm Nghị định có hiệu lực (theo các định dạng cũ), đề nghị các địa phương tổ chức rà soát, chuẩn hóa thông tin và thực hiện chuyển đổi sang định dạng mới trong thời gian chuyển đổi như sau:

- Thời gian chuyển đổi: từ ngày Nghị định có hiệu lực đến hết ngày 26/06/2026.
- Trong thời gian chuyển đổi, để tránh gián đoạn hoạt động sản xuất - xuất khẩu, địa phương chủ động hướng dẫn tổ chức/cá nhân tiếp tục sử dụng mã số đã được cấp (định dạng cũ) song song với việc hoàn thiện hồ sơ, dữ liệu để chuyển đổi; sau khi hoàn thành chuyển đổi, thống nhất sử dụng mã số theo định dạng mới trong quản lý và giao dịch xuất khẩu.

II. Danh mục mã tỉnh dùng trong cấu trúc đặt mã số

Danh mục mã tỉnh sử dụng để cấu thành MSVT (PUC) và mã số CSĐG (PHC) thực hiện theo Quyết định số 19/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đề nghị các địa phương sử dụng đúng mã tỉnh theo Quyết định nêu trên khi cấp mới và khi chuyển đổi.

III. Danh mục mã cây trồng

Để thống nhất triển khai việc cấp, quản lý MSVT (PUC) và mã số CSĐG (PHC) theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP, “mã cây trồng” là mã định danh cho từng loại cây trồng và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Cục TTTV và Bộ Nông

nghiệp và Môi trường. Để kịp thời hướng dẫn trong giai đoạn triển khai, Cục TTTV ban hành Danh mục Mã định danh đối với từng loại cây trồng tại Phụ lục I kèm theo Công văn này để các địa phương làm căn cứ áp dụng khi cấp mới, chuyển đổi mã số theo định dạng mới và chuẩn hóa dữ liệu quản lý, bảo đảm thống nhất toàn quốc.

Cục TTTV sẽ rà soát, cập nhật, bổ sung Danh mục Mã định danh đối với từng loại cây trồng theo yêu cầu quản lý, yêu cầu của thị trường nhập khẩu và thực tiễn triển khai. Các nội dung mới sẽ được cập nhật và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Cục/Bộ để các địa phương theo dõi thường xuyên và áp dụng thống nhất.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN BÁO CÁO

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai các nội dung nêu trên; phân công rõ đầu mối thực hiện và đầu mối tổng hợp báo cáo.

- Đề nghị các địa phương tổng hợp kết quả rà soát, chuyển đổi mã số (kèm bảng đối chiếu mã số cũ - mã số mới), các khó khăn/vướng mắc và kiến nghị (nếu có), gửi về Cục TTTV trước ngày 26/06/2026 để tổng hợp, hướng dẫn kịp thời.

- Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị liên hệ: Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phòng Hợp tác Quốc tế, địa chỉ email: Htqt_ttbvtv@mae.gov.vn) để được hỗ trợ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Chi cục TTTV các tỉnh, thành phố;
- Chi cục KDTV vùng (để t/h);
- Lưu: VT, HTQT (TĐT).

**KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Quang Hiếu

Phụ lục I

DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI CÂY TRỒNG

(Kèm theo văn bản số /TTTV-HTQT ngày tháng năm 2026)

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
NHÓM CÂY ĂN QUẢ		
1.	Bí đao	BIDAO1
2.	Bơ	BO0001
3.	Bòn bon	BONBON
4.	Bưởi	BUOI01
5.	Cam	CAM001
6.	Chanh	CHANH1
7.	Chanh leo	CL0001
8.	Chôm Chôm	CC0001
9.	Chuối	CHUOI1
10.	Đào	DAO001
11.	Dâu da	DAUDA1
12.	Dâu tây	DAUTAY
13.	Đu đủ	DUDU01
14.	Dừa	DUA001
15.	Dừa hấu	DUAHAU
16.	Dừa lê	DUALE1
17.	Dừa lưới	DL0001
18.	Dứa/Thơm	DUA002
19.	Hồng	HONG01
20.	Hồng xiêm	HX0001
21.	Lê	LE0001
22.	Mận	MAN001
23.	Mãng cầu/Na	MC0001
24.	Mãng cụt	MC0002
25.	Mít	MIT001
26.	Mơ	MO0001
27.	Nhãn	NHAN01
28.	Nho	NHO001
29.	Ổi	OI0001
30.	Quất/Tắc	QUAT01
31.	Quýt	QUYT01
32.	Sầu riêng	SR0001
33.	Táo	TAO001
34.	Thanh Long	TL0001

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
35.	Vải	VAI001
36.	Vú sữa	VUSUA1
37.	Xoài	XOAI01
NHÓM CÂY LƯƠNG THỰC		
38.	Đậu xanh	DX0001
39.	Khoai lang	KL0001
40.	Khoai môn	KM0001
41.	Khoai tây	KT0001
42.	Lúa	LUA001
43.	Ngô/Bắp	NGO001
44.	Sắn/Khoai mỳ	SAN001
45.	Đậu đỏ	DAUDO1
46.	Đậu đen	DAUDEN
NHÓM CÂY CÔNG NGHIỆP		
47.	Bạch đàn	BD0001
48.	Bông	BONG01
49.	Ca cao	CACAO1
50.	Cà phê	CAPHE1
51.	Cao su	CAOSU1
52.	Chè/Trà	CHE001
53.	Dâu tằm	DAUTAM
54.	Đậu tương	DT0001
55.	Điều	DIEU01
56.	Đinh hương	DH0001
57.	Hồ tiêu	HOTIEU
58.	Lạc	LAC001
59.	Mac ca	MACCA1
60.	Mía	MIA001
61.	Sacha Inchi	SI0001
62.	Thuốc lá	TL0002
63.	Tung dầu	TD0001
64.	Vừng	VUNG01
NHÓM CÂY RAU VÀ GIA VỊ		
65.	Bầu	BAU001
66.	Bí Ngô/Bí đỏ	BINGO1
67.	Cà chua	CACHUA
68.	Cà rốt	CAROT1
69.	Cà tím	CATIM1
70.	Cải bắp	CAIBAP
71.	Cải củ	CAICU1

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
72.	Cải thảo	CT0001
73.	Cải xanh	CX0001
74.	Cần tây	CANTAY
75.	Chi diếp/Luối mác	CD0001
76.	Chùm ngây	CN0001
77.	Đậu Bắp	DAUBAP
78.	Đậu các loại	DCL001
79.	Đậu cô ve	DCV001
80.	Đậu đũa	DAUDUA
81.	Đậu Hà Lan	DHL001
82.	Dưa chuột/Dưa leo	DC0001
83.	Gừng	GUNG01
84.	Hành tây	HT0001
85.	Hành	HANH01
86.	Hẹ	HE0001
87.	Hoa hoi	HOAHOI
88.	Húng	HUNG01
89.	Măng tây	MT0001
90.	Măng tre	MT0002
91.	Mướp đắng	MD0001
92.	Nghệ	NGHE01
93.	Ớt	OT0001
94.	Rau Dền	RAUDEN
95.	Rau muống	RM0001
96.	Su hào	SUHA01
97.	Súp lơ	SUPLO1
98.	Tỏi	TOI001
99.	Xà lách	XL0001
100.	Bí ngòi	BINGOI
101.	Củ nén/hành tằm	HT0002
102.	Cà pháo	CAPHAO
103.	Củ dền	CUDEN1
104.	Su su	SUSU01
105.	Đậu ngự	DAUNGU
106.	Cải ngọt	CN0002
107.	Cải thìa	CT0002
108.	Sả/Sả chanh	SA0001
109.	Kiệu	KIEU01
110.	Tía tô	TIATO1
111.	Kinh giới	KG0001

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
112.	Húng quế	HQ0001
113.	Diếp cá/Giấp cá	DIEPCA
114.	Mồng tơi	MT0003
115.	Cải chân vịt/ Tần ô	CCV001
116.	Riềng	RIENG1
117.	Ngò rí	NGORI1

Lưu ý: Danh mục cây trồng sẽ được cập nhật thường xuyên (nếu phát sinh loại cây trồng mới)./.